

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13/4/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2026/TLST- DS ngày 09 tháng 02 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1)**; địa chỉ trụ sở chính: Số H L, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân (theo Giấy ủy quyền số: 50-2025/UQN– CTQT/07/11/2025).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Văn T1 - Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ; ông Nguyễn Văn D1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; bà Lê Thị Thảo N - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Lê Tài T2 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Đỗ Thành Đ - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Văn C - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Văn L - Chức vụ: Chuyên viên xử lý

nợ (theo Văn bản ủy quyền số 11901/2026/UQ-VPB ngày 21/01/2026 của ông Đỗ Thành T).

- Bị đơn: Bà **Trần Thị P**, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: tổ B, phường P, quận S (nay phường A), thành phố Đà Nẵng.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Vào ngày 15/05/2026, bà Trần Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền: **351.268.806 đồng** (*Ba trăm năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm lẻ sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 320.749.994 đồng; nợ lãi: 30.518.812 đồng (lãi tạm tính đến ngày 13/4/2026) và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 14/4/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: LN2408073415215 ngày 10/9/2024 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số LN2408073415215 ký ngày 10/09/2024.

2/ Xử lý tài sản thế chấp:

2.1 Trường hợp bà Trần Thị P vi phạm cam kết như thỏa thuận trên thì tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Biển đăng ký: 43F-010.58, số khung MF3NC81DEPJ014769, số máy: G4FNQ163476 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Đ cấp ngày 22/09/2023.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2026, thể hiện tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 43F - 010.58 không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp. Hiện tại, xe ô tô do bà P đang quản lý, sử dụng, không cho ai thuê hay cầm cố, thế chấp cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào ngoài Ngân hàng TMCP V.

Được xử lý theo Điều 299 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

2.2 Sau khi bà Trần Thị P hoàn tất khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng phải trả lại cho bà Trần Thị P Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Biển đăng ký: 43F-010.58, số khung MF3NC81DEPJ014769, số máy: G4FNQ163476 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Đ cấp ngày 22/09/2023 theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng nguyên đơn (*Đã nộp, đã chi*). Bị đơn bà Trần Thị P có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

4. Án phí DS-ST: 8.781.720 đồng (*Tám triệu bảy trăm tám mươi một ngàn bảy trăm hai mươi đồng*) bà Trần Thị P phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 8.578.499 đồng (*Tám triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001411 ngày 09/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Viện KSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh